TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2018/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 31 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 10/2018/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2018, giữa:

- *Người yêu cầu:*

+ Anh A T, sinh năm 1978,

Nơi đăng ký NKTT: Thôn K, xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum;

Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện Đ, Kon Tum

+ Chị Y T, sinh năm: 1983.

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã N, huyện T, tỉnh Kon Tum;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T; Chức vụ: Tổng giám đốc- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí T- Chức vụ: Phó giám đốc- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Kon Tum;

Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum

(Theo văn bản ủy quyền số: 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 67/QĐ-NHCS ngày 13/3/2018 của Giám đốc- PGD Ngân hang chính sách xã hội huyện T).

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự, được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23/10/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh A T và chị Y T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Quan hệ hôn nhân:* Anh A T và chị Y T thuận tình ly hôn.

* *Về con chung:* Ghi nhận thỏa thuận giao cả hai con chung Y P, sinh ngày 17/9/2002 và Y Ly N, sinh ngày 11/12/2008 cho chị Y T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con trưởng thành, có khả năng lao động và tự lập được. Chị Y T không yêu cầu anh A T cấp dưỡng nuôi các con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Về nợ chung:* Ghi nhận thỏa thuận chị Y T có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Kon Tum với số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) khi đến thời hạn trả nợ.

* *Về lệ phí:* Chị Y T và anh A T đều là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh KonTum;
- UBND xã N;
- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hành